

Bản án số: **58/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 13/12/2017

*V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Bùi Thị Hồng Thu

2/ Bà Hà Ngân Kim Tới

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2017/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/11/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Kim Thị Búp P, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 57, ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Chanh Đ, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã B, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/8/2017 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Kim Thị Búp P trình bày: Nguyên trước đây bà Kim Thị Búp P và ông Trần Chanh Đ đã tìm hiểu nhau trước và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên đã tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 01 ngày 01/3/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng bà P sống tại ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian chung sống, bà Kim Thị Búp P và ông Trần Chanh Đ có một con chung tên Trần Tuấn Đ, sinh ngày 17/01/2003, hiện nay đang sống với bà P. Vào khoảng tháng 9 năm 2002 giữa bà Kim Thị Búp P và ông Trần Chanh Đ phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông Đ không quan tâm, không chăm lo cho vợ con, không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nên bà P và ông Đ đã không còn chung sống từ tháng 9/2002 đến nay, ông Đ đã về sống tại nhà cha mẹ ruột tại ấp L, xã B, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

Nay bà P yêu cầu được ly hôn với ông Đ. Về con chung: Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Trần Tuấn Đ tròn 18 tuổi. Tại phiên tòa bà P không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần Chanh Đ nhưng ông Đ không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng của bà P, đồng thời ông Đ cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kim Thị Búp P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông Trần Chanh Đ, nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Trần Chanh Đ.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị Búp P, nhận thấy bà P và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2002, đã được UBND xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 01/3/2002. Quan hệ hôn nhân của bà P và ông Đ không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian ngắn chung sống, đến tháng 9 năm 2002 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, ông Đ không quan tâm, không chăm lo cho vợ con, dẫn đến mâu thuẫn không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Bà P và ông Đ đã không còn chung sống từ tháng 9 năm 2002 cho đến nay. Hiện bà P nhận thấy tình cảm với ông Đ không còn nên có nguyện vọng ly hôn. Hội đồng xét xử đã phân tích động viên bà P suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông Đ nhưng bà P vẫn cương quyết xin được ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Kim Thị Búp P được ly hôn với ông Trần Chanh Đ.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống bà Kim Thị Búp P và ông Trần Chanh Đ có một người con chung tên Trần Tuấn Đ, sinh ngày 17/01/2003, hiện nay đang chung sống với bà P. Bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Để đảm bảo cuộc sống của cháu Đ không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu là muốn được sống với mẹ, nên Hội đồng xét xử căn cứ

vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu được nuôi con của bà P.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện, bà P yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung với mức là 1.000.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa, bà P không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện bà P có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con, nên việc bà P không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Bà P trình bày tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà P trình bày nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Án phí sơ thẩm: Bà Kim Thị Búp P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/QBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/QBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kim Thị Búp P.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị Búp P được ly hôn với ông Trần Chanh Đ.

- Về con chung: Giao cháu Trần Tuấn Đ, sinh ngày 17/01/2003 cho bà Kim Thị Búp P trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Ông Trần Chanh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Chanh Đ được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, ông Trần Chanh Đ không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Tuấn Đ của bà Kim Thị Búp P

- Về tài sản chung: Bà P trình bày tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà P trình bày nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Kim Thị Búp P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền ứng án phí bà P đã nộp 300.000 đồng, theo

Biên lai số 0006449, ngày 10/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà P đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNN&THA);
- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã H, huyện T, tỉnh ST;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chiêm Ngọc Linh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 13 tháng 12 năm 2017

Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Kim Hương

2/ Bà Hà Ngân Kim Tới

Tiến hành nghị án vụ án thụ lý số 169/2017/TLST-HNGĐ ngày 16/10/2017 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Kim Thị Búp Pha

Bị đơn: Trần Chanh Đa

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/QBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kim Thị Búp Pha

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị Búp Pha được ly hôn với ông Trần Trần Chanh Đa.

- Về con chung: Giao cháu Trần Tuấn Đạt, sinh ngày 17/01/2003 cho bà Kim Thị Búp Pha trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Đạt đủ 18 tuổi. Ông Trần Chanh Đa không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Chanh Đa được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, ông Trần Chanh Đa không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Tuấn Đạt của bà Kim Thị Búp Pha.

- Về tài sản chung: Bà Pha trình bày tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà Pha trình bày nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Kim Thị Búp Pha phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền ứng án phí bà Pha đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0006449, ngày 10/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Pha đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 13 tháng 12 năm 2017

Biên bản lập xong có đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA